

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm sau khi Bộ Y tế cho biết Hà Nội là địa phương có 2 ngày liên tiếp đứng đầu cả nước số mắc mới trong ngày và liên tục mở rộng địa bàn dừng hoạt động không thiết yếu

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm, tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

PNJ, GEX

[Cập nhật công ty]

VPB

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị chờ nhịp điều chỉnh rõ nét về quanh vùng hỗ trợ trước khi tăng thêm một phần tỷ trọng vị thế trading đối với các cổ phiếu mục tiêu

22/12/2021

	Chi số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,477.67	-0.07
VN30	1,504.12	-0.49
HĐTL VN30F1M	1,508.00	-0.30
HNXIndex	453.10	-0.42
HNX30	773.45	-0.57
UPCoM	110.93	-0.40
USD/VND	22,935	+0.15
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.11	+0
Lãi suất qua đêm (%)	0.94	+14
Dầu (WTI, \$)	71.22	+0.14
Vàng (LME, \$)	1,786.32	-0.16



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,477.67 (-0.07%)
KLGD (triệu CP) 1,069.4 (+27.6%)
GTGD (triệu US\$) 1,466.2 (+17.1%)

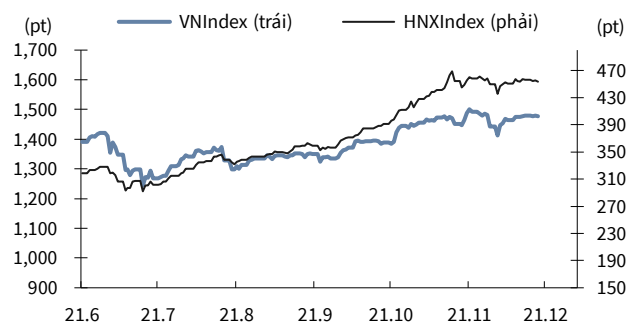
HNXIndex 453.10 (-0.42%)
KLGD (triệu CP) 150.9 (+28.1%)
GTGD (triệu US\$) 181.5 (+25.8%)

UPCoM 110.93 (-0.40%)
KLGD (triệu CP) 110.0 (+48.6%)
GTGD (triệu US\$) 82.1 (+18.6%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -4.7

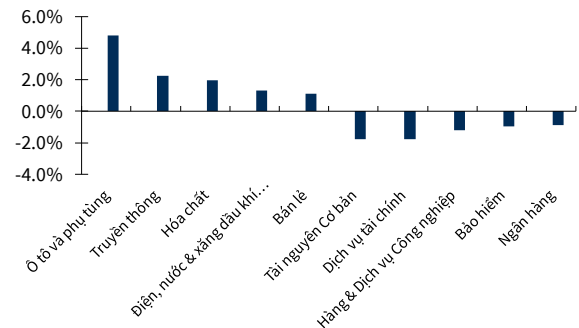
TTCK Việt Nam giảm điểm sau khi Bộ Y tế cho biết Hà Nội là địa phương có 2 ngày liên tiếp đứng đầu cả nước số mắc mới trong ngày và liên tục mở rộng địa bàn dừng hoạt động không thiết yếu. PVM Oil Associates cho biết các đợt phục hồi nhẹ của giá dầu sẽ không kéo dài do các biện pháp hạn chế COVID-19 mới, giá cổ phiếu dầu khí giảm ở PVD (-2.6%), PVS (-1.1%). Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn cho biết vụ lúa Thu Đông cuối vụ cho năng suất cao hơn 200 kg/ha so với đầu vụ và bán được giá cao, lúa chất lượng cao, giá cổ phiếu ngành gạo tăng ở TAR (+6.7%). Hiệp hội Dệt may Việt Nam (Vitas) cho biết dệt may Việt Nam sẽ tiếp tục hưởng lợi từ các hiệp định thương mại tự do như EVFTA, CPTPP, điều này sẽ hỗ trợ tích cực cho hoạt động xuất khẩu của ngành năm 2022, ngành dệt may tăng ở MSH (+0.5%), GIL (+1.1%). Khối ngoại mua ròng ở VIC (+1.5%), CTG (-1.1%), VHM (-0.4%).

VNIndex & HNXIndex



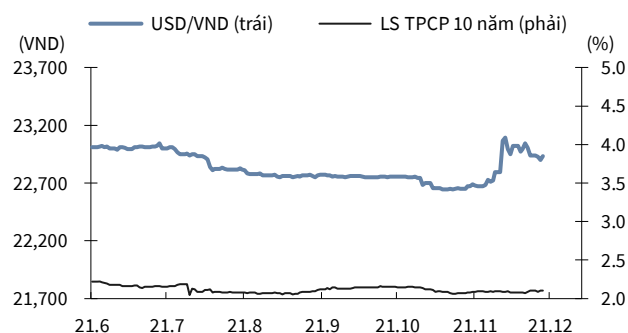
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

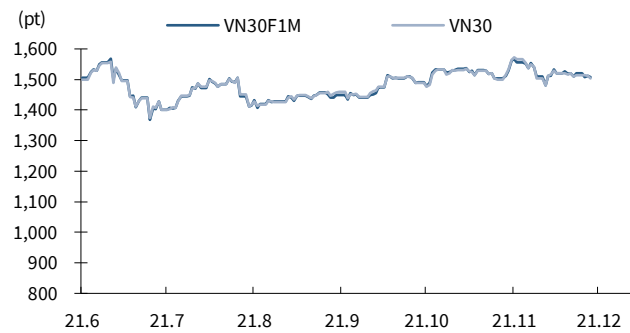
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,504.12 (-0.49%)
VN30F1M	1,508.0 (-0.30%)
Mở cửa	1,515.6
Cao nhất	1,519.7
Thấp nhất	1,500.0

Các HĐTL giảm điểm, tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Sau khi tăng điểm trong phiên sáng, F2201 quay đầu giảm điểm trước lực bán gia tăng sau phiên tăng điểm trước đó. Chênh lệch F2201 và chỉ số VN30 hầu hết biến động ở mức dương trong phiên hôm nay, đóng cửa tại 3.88 điểm. Khối ngoại bán ròng với thanh khoản thị trường tăng nhẹ.

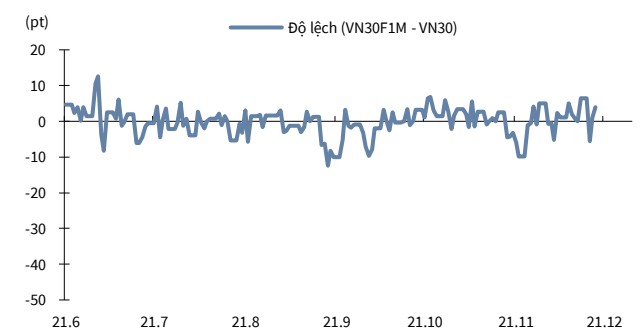
KLGD (HĐ) **125,574 (+2.9%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



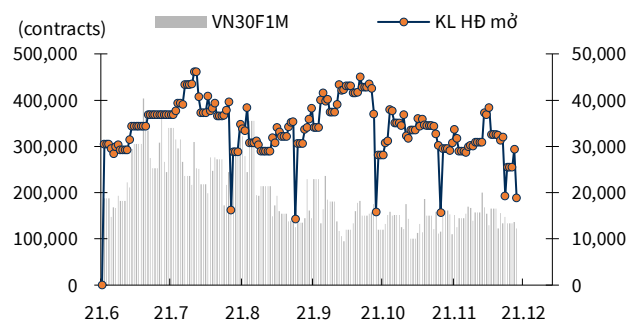
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



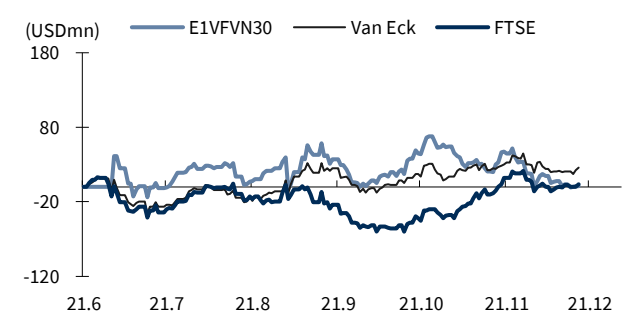
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

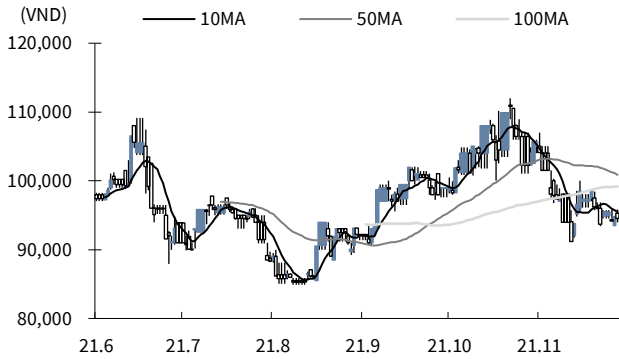
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

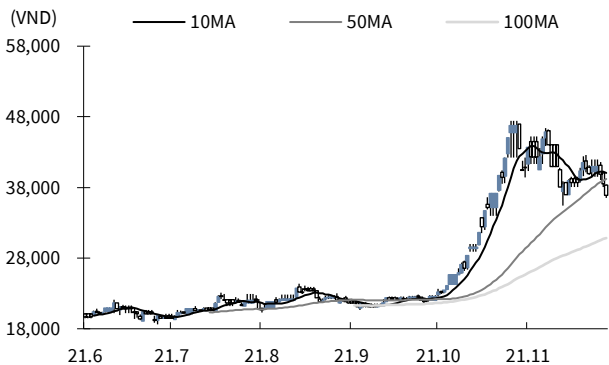
Công ty Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (PNJ)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PNJ giảm 0.3% xuống 94,500 VND/cp
- Công ty Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận công bố lợi nhuận sau thuế tháng 11 đạt 140 tỷ đồng (+18% YoY), và doanh thu đạt 2,160 tỷ đồng (+19% YoY). PNJ cho biết các chương trình thúc đẩy bán hàng như Black Friday, ưu đãi đặc quyền VIP trong tháng 11 đều vượt kế hoạch.

Tập đoàn Gelex (GEX)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- GEX giảm 4.2% xuống 36,900 VND/cp
- Tập đoàn Gelex thông báo phát hành 2 gói trái phiếu riêng lẻ năm 2021 với tổng giá trị 1,500 tỷ đồng nhằm tăng quy mô vốn hoạt động. Hai lô trái phiếu đều là loại không chuyển đổi, không kèm chứng quyền với lãi suất cố định áp dụng cho toàn bộ kỳ hạn tối đa 9%/năm. Kỳ hạn trái phiếu 3 năm, thời gian dự kiến phát hành trong tháng 12 này. Tài sản đảm bảo là cổ phiếu VGC, CAV, HEM, THI.

21/12/2021

3Q2021, LNTT đạt 2,698 tỷ VND, tăng 4.1% YoY

NIM 3Q2021 giảm 30 bps YoY do lãi suất bình quân đầu ra giảm ở cả ngân hàng mẹ và FEcredit.

Tỷ lệ nợ xấu đạt 4.0% tăng 53 bps QoQ do ảnh hưởng của dịch bệnh

VPB ghi nhận lợi nhuận thoái vốn FE Credit trong 4Q2021

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 41,600 VND/cp

3Q2021, hoạt động kinh doanh của VPB bị ảnh hưởng đáng kể bởi làn sóng dịch Covid lần thứ 4. Cụ thể, thu nhập lãi thuần 3Q2021 đạt 7,474 tỷ VND (-19% QoQ, -5.2% YoY); LNTT 3Q2021 đạt 2,698 tỷ VND, giảm 46.4% QoQ và 4.1% YoY.

NIM 3Q2021 giảm tương đối so với quý trước, đạt 8.21% (-83bps QoQ, -30bps YoY), trong đó NIM ngân hàng mẹ đạt 5.32% (-43bps QoQ, -71bps YoY) và NIM của FEcredit đạt 24.13%, giảm 158bps QoQ.

Tỷ lệ nợ xấu tăng mạnh trong 3Q2021 do ảnh hưởng của dịch bệnh, đạt 4.0%, tăng 53bps QoQ. Trong kì, VPB trích lập 4,979 tỷ VND (+18.6% QoQ, +28.6% YoY); Tỷ lệ bao phủ nợ xấu của VPB đạt 48.95%, có cái thiện so với các quý gần đây tuy nhiên vẫn ở mức thấp so với trung bình hệ thống ngân hàng.

Cuối tháng 4/2021, VPB chính thức bán 49% cổ phần FE Credit cho Công ty Tài chính Tiêu dùng SMBC, là công ty con của tập đoàn SMBC. VPB đã hoàn tất các thủ tục để dòng tiền lợi nhuận có thể chảy về ngân hàng trong đầu 4Q2021, qua đó cải thiện mạnh mẽ các chỉ tiêu thanh khoản và chi phí đầu vào bình quân.

Dựa trên kết quả định giá, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các yếu tố rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu VPB. Giá mục tiêu là 41,600 VND/cp, cao hơn 23.1% so với giá tại ngày 17/12/2021.

Mua

Giá mục tiêu VND 41,600

Tăng/Giảm	23.1%
Giá hiện tại (17/12/2021)	VND 33,800
Giá mục tiêu thị trường	VND 66,700
Vốn hóa thị trường (Tỷ VND)	149,209

Dự phóng KQKD & định giá

Cuối năm tài chính	2019A	2020A	2021F	2022F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	30,670	32,346	38,467	45,126
LN thuần trước CF DPRRTD (tỷ VND)	24,012	27,641	35,717	41,988
LNST ngân hàng mẹ (tỷ VND)	8,260	10,414	12,355	15,126
EPS (VND)	3,265	4,116	2,733	3,346
Tăng trưởng EPS (%)	12%	26%	-34%	22%
PER (x)	18.6	14.7	22.2	18.1
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	16,684	20,867	20,033	24,264
PBR (x)	3.63	2.90	3.03	2.50
ROE (%)	21.5%	21.9%	18.5%	17.2%
Tỉ lệ cổ tức (%)				

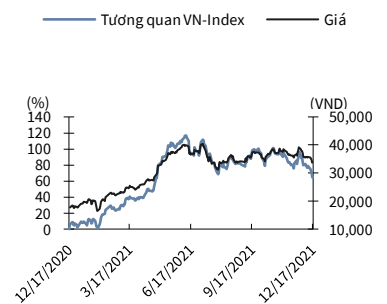
Nguồn: Bloomberg, KBSV

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	95.0%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	541/23.9
Sở hữu nước ngoài (%)	17.24%
Cơ cấu cổ đông	Ngô Chí Dũng(4.81%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
VPB	-8	-8	-9	106
VNIndex	-10	-18	-14	65



Nguồn: Bloomberg, KBSV

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

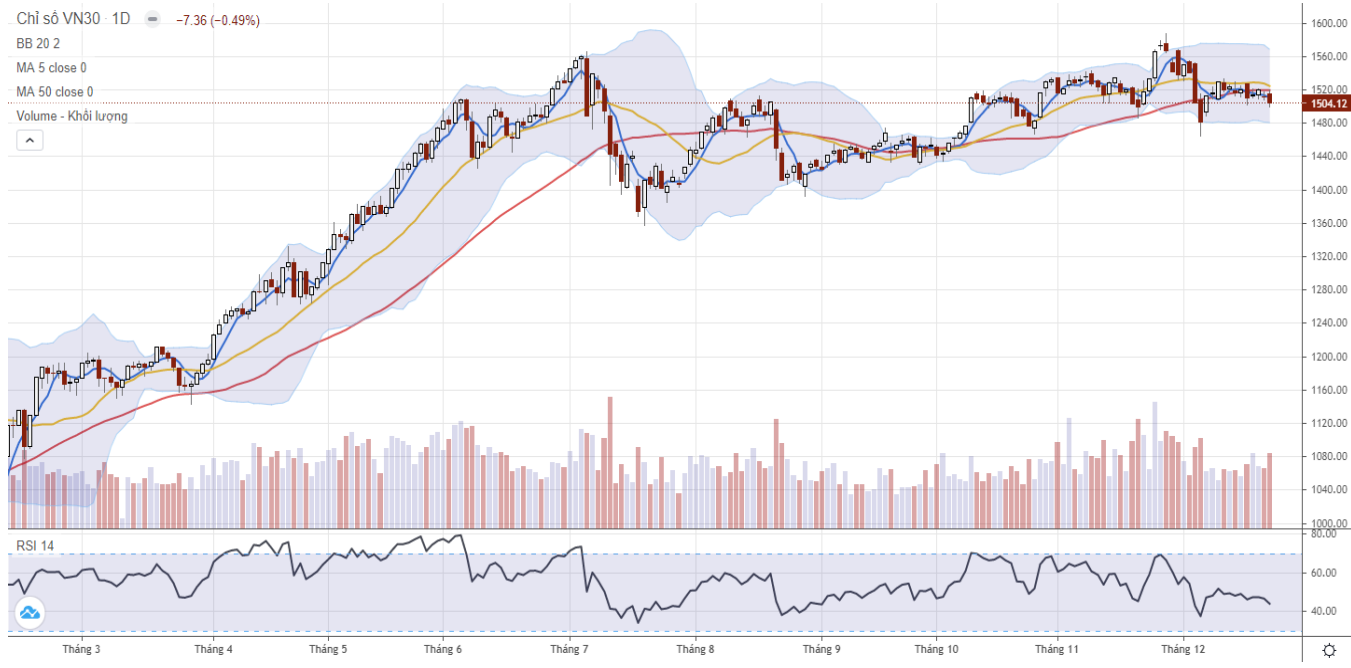
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



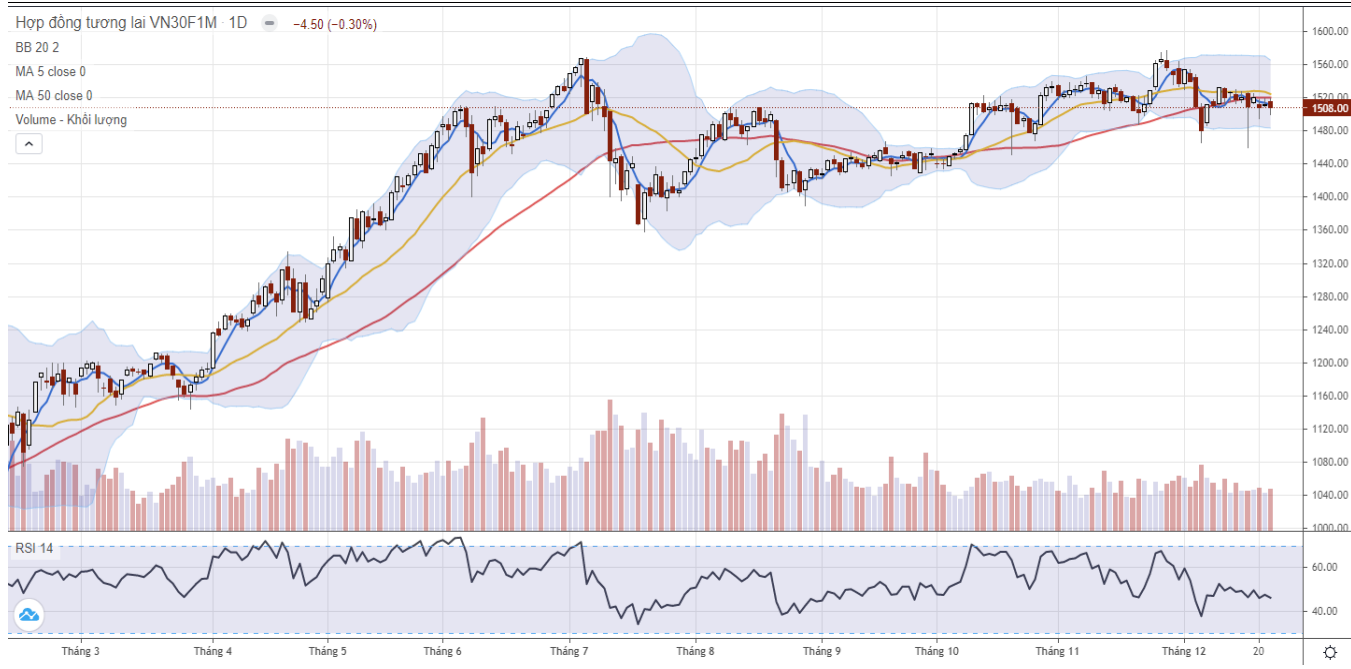
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp mở gap tăng điểm đầu phiên, VNIndex dần suy yếu và đảo chiều giảm điểm giảm co đến cuối phiên.
- Chỉ số tiếp tục có một phiên vượt cản bất thành trước áp lực phân phối gia tăng vào cuối phiên. Tâm ảnh hưởng của vùng cản đi kèm tín hiệu suy yếu tại nhóm cổ phiếu dẫn dắt cho thấy rủi ro mở rộng nhịp điều chỉnh trong các phiên kế tiếp đang có phần lấn át. Mặc dù vậy, cơ hội hồi phục sau đó vẫn được đánh giá cao với vùng hỗ trợ đáng lưu ý tại 144x.
- NĐT được khuyến nghị chờ nhịp điều chỉnh rõ nét về quanh vùng hỗ trợ trước khi tăng thêm một phần tỷ trọng vị thế trading đối với các cổ phiếu mục tiêu.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1522 - 1526

Kháng cự gần: 1513 - 1516

Hỗ trợ gần: 1502 - 1504

Hỗ trợ xa: 1489 - 1494

- Sau nhịp mở gap tăng điểm đầu phiên, F1 dần suy yếu và đảo chiều giảm điểm giảm co đến cuối phiên.
- Chỉ số tiếp tục có một phiên vượt cản bất thành trước áp lực bán tăng gia tăng vào cuối phiên. Mặc dù rủi ro bước vào nhịp điều chỉnh đang có phần lấn át, cơ hội hồi phục sau đó vẫn được đánh giá cao với vùng hỗ trợ đáng lưu ý được điều chỉnh xuống quanh 1490.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều Long tại hỗ trợ, Short tại kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Stop vị thế Long đã mở nếu hỗ trợ gần bị xuyên thủng, kê mua trở lại ở hỗ trợ xa trong phiên.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

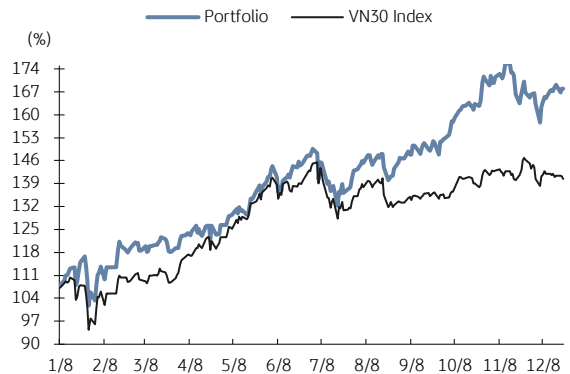
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.49%	0.06%
Tăng lũy kế (YTD)	40.47%	68.00%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 22/12/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	134,800	1.4%	74.5%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	63,700	-2.3%	187.9%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	94,500	-0.3%	23.3%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	186,400	1.3%	-2.9%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	69,000	0.0%	102.9%	- Mảng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	95,000	-0.2%	226.3%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	31,650	-1.1%	67.4%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	95,200	1.3%	29.7%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	45,100	-2.2%	211.6%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	60,000	2.7%	338.0%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VIC	1.5%	13.7%	166.5
CTG	-1.1%	25.3%	94.9
VHM	-0.4%	23.3%	76.9
DGC	1.2%	8.1%	67.3
KBC	2.7%	15.4%	45.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
NLG	-2.3%	32.2%	-45.5
MSN	2.0%	32.1%	-52.5
NT2	0.6%	14.0%	-22.4
VCB	0.4%	23.7%	-5.9
SSI	-2.7%	38.5%	-37.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VCS	-0.4%	3.7%	5.7
DIH	6.1%	0.1%	0.9
VGS	1.0%	0.2%	0.5
LHC	-4.9%	19.4%	0.3
OCH	1.0%	0.1%	0.3

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
CEO	6.8%	13.2%	-328.7
SHS	-3.1%	8.4%	-5.4
API	-9.9%	0.4%	-3.9
SMN	-9.3%	2.0%	-0.9
HLD	-2.9%	6.3%	-0.6

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	9.5%	YEG, PNC
Ô tô và phụ tùng	8.7%	TCH, HHS
Xây dựng và Vật Liệu	4.4%	CII, VCG
Bất động sản	3.5%	VHM, DIG
Hóa chất	2.0%	GVR, DPM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	-5.0%	HPG, HSG
Y tế	-3.7%	DHG, DCL
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-3.5%	GEX, GMD
Dầu khí	-3.4%	PLX, PVD
Du lịch và Giải trí	-2.5%	HVN, VJC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	19.0%	TCH, SVC
Xây dựng và Vật Liệu	13.0%	CII, ROS
Truyền thông	12.4%	YEG, ADG
Bất động sản	9.8%	VIC, DIG
Hóa chất	4.1%	GVR, DPM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng cá nhân & Gia dụng	-8.1%	PNJ, TCM
Bảo hiểm	-8.0%	BVH, MIG
Ngân hàng	-7.7%	TCB, VCB
Dầu khí	-6.9%	PLX, PVD
Tài nguyên Cơ bản	-6.3%	HPG, HSG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD Mn)	GTGD (VND triệu, USD Mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	383,848 (16.8)	22.5	102.8	72.3	14.7	4.2	5.7	4.1	3.9	1.5	-0.4	5.1	3.6
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	597,347 (26.1)	26.6	10.3	9.2	35.9	31.5	27.5	3.0	2.4	-0.3	3.8	5.8	24.5
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	259,496 (11.4)	17.8	38.8	25.0	-7.6	6.1	9.0	2.3	2.1	0.3	3.6	5.4	0.3
	NVL	NO VA LAND INVES	60,068	86,712 (3,768)	460,252 (20.1)	31.3	41.7	30.3	6.7	13.8	13.9	5.6	5.0	0.1	1.5	14.3	142.6
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	90,424 (4.0)	11.6	30.2	22.3	18.0	13.5	15.7	3.4	3.1	3.0	7.3	20.2	94.1
DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	402,535 (17.6)	13.9	17.0	13.6	-	16.5	16.4	2.5	2.1	1.8	7.4	47.8	163.2	
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	110,109 (4.8)	6.3	18.5	15.4	11.7	20.5	20.4	3.2	2.6	0.4	-1.8	-0.7	0.2
	BID	BANK FOR INVESTM	43,400	174,556 (7,586)	103,787 (4.5)	12.7	19.0	14.3	-5.3	13.2	15.5	2.0	1.8	-1.1	-3.6	-4.9	-9.6
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	748,553 (32.8)	0.0	9.9	8.4	14.3	21.0	20.0	1.9	1.5	-0.7	-2.6	-7.9	55.2
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	349,658 (15.3)	1.4	11.6	8.4	61.1	16.3	19.6	1.6	1.3	-1.1	-1.9	-8.3	18.2
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	771,340 (33.8)	0.0	11.9	10.1	18.8	17.8	15.9	1.7	1.5	-1.6	-3.0	-8.4	86.1
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	356,740 (15.7)	0.0	8.7	7.3	14.6	21.7	21.7	1.7	1.4	-1.1	-3.0	-5.3	63.8
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	215,758 (9.5)	4.2	9.7	8.7	23.3	20.9	19.9	1.9	1.6	-5.1	-7.2	-	13.6
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	597,503 (26.2)	14.0	16.8	12.6	26.5	10.0	11.4	1.5	1.3	-2.0	-2.5	-4.0	63.6
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	249,593 (10.9)	0.0	12.7	10.4	37.5	21.2	20.2	2.4	1.9	-2.1	-1.3	10.3	91.4
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	18,983 (0.8)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	2.1	3.2	-1.4	41.8	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	58,837 (2.6)	21.0	22.7	19.1	15.8	9.1	10.1	1.9	1.8	-0.9	-2.9	-6.1	-14.4
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	28,125 (1.2)	14.2	22.9	19.7	9.1	10.9	12.6	2.1	2.0	-1.5	5.9	3.9	79.6
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	1,161,729 (50.9)	55.4	22.4	24.4	-3.2	17.7	13.7	-	-	-2.7	-1.2	5.1	133.7
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	284,609 (12.5)	71.9	17.7	-	-4.0	25.0	25.8	-	-	-2.3	-2.3	1.5	152.9
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	259,185 (11.4)	52.4	17.0	-	-19.0	23.0	21.4	-	-	-1.7	1.8	0.0	88.0
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	559,329 (24.5)	27.2	-	-	36.3	31.7	19.8	-	-	-1.8	5.4	10.3	343.7
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	179,109 (7.8)	42.1	17.6	16.7	4.0	33.3	33.8	5.4	5.1	-0.1	-1.0	-0.9	-21.5
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	22,738 (1.0)	36.9	27.2	21.9	7.3	17.6	19.4	4.2	3.7	-0.9	-3.2	12.1	-24.3
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	315,424 (13.8)	16.5	43.5	30.9	-51.9	31.6	23.1	9.2	7.1	2.0	5.6	13.4	91.2
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	142,022 (6.2)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-0.9	3.8	31.4	-24.4
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	104,150 (4.6)	11.0	-	34.4	-88.5	0.4	16.2	-	-	0.2	-1.0	-4.1	-1.8
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	92,597 (4.1)	10.8	39.9	27.1	-57.0	8.6	12.2	2.4	2.4	0.2	-5.1	-0.8	46.5
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	303,929 (13.3)	38.4	169.7	22.7	65.7	1.3	8.2	2.0	1.9	2.1	32.7	52.7	96.3
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	307,069 (13.4)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	6.6	27.9	90.1	407.9
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	659,213 (28.9)	37.7	-	-	-13.2	12.3	11.9	-	-	-4.2	-9.2	15.2	124.2
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	71,320 (3.1)	3.6	49.7	17.8	-52.4	1.6	4.5	0.8	0.8	1.6	-0.8	32.1	16.5
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	42,343 (1.9)	0.0	12.6	10.0	-4.5	11.9	13.2	1.5	1.4	0.0	4.5	7.0	41.0

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	92,553 (4.1)	46.1	18.8	15.4	-17.5	19.7	22.3	3.7	3.3	1.3	-2.6	-6.8	9.9
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	40,882 (1.8)	31.4	14.1	10.6	-10.5	12.6	15.7	1.8	2.2	0.6	5.5	25.7	9.3
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	8,097 (0.4)	34.1	18.1	13.8	-5.1	8.9	11.6	1.6	1.6	2.4	6.4	11.6	2.7
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	931,164 (40.8)	18.0	5.5	6.4	21.9	45.3	29.6	2.0	1.6	-2.2	-5.6	-7.3	46.9
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (286)	247,013 (10.8)	36.5	8.7	11.1	-0.5	28.4	19.3	2.2	2.0	0.2	5.9	16.1	187.2
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	255,021 (11.2)	46.5	16.6	12.1	-4.5	19.8	22.4	3.0	2.7	-3.2	1.3	10.7	176.8
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	252,133 (11.0)	38.9	5.5	6.2	67.9	25.0	19.2	1.2	1.0	-1.4	-8.4	10.5	70.6
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	123,166 (5.4)	97.2	25.0	21.8	17.2	-	-	1.4	1.3	3.4	8.1	20.5	52.8
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	93,228 (4.1)	4.6	24.4	16.9	-51.0	14.7	16.3	2.9	2.9	-0.4	-3.3	-5.5	-3.3
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	162,157 (7.1)	39.9	174.6	24.8	-11.9	0.5	4.0	0.8	0.8	-2.6	-4.3	0.6	64.8
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	55,831 (2.4)	35.9	11.0	8.8	1.2	14.3	16.7	1.5	1.3	-1.9	-6.4	-0.9	62.9
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	141,308 (6.2)	0.0	20.9	15.2	13.7	26.6	28.3	4.8	3.8	1.4	-0.8	-2.7	70.1
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	50,901 (2.2)	0.0	23.1	15.8	2.4	18.4	22.9	3.8	3.2	-0.3	-1.6	-9.1	16.7
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	7,587 (0.3)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	6.8	28.4	31.7	-50.4
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	92,848 (4.1)	30.3	41.4	40.9	-75.2	13.4	12.6	5.4	4.8	0.9	13.6	56.5	173.4
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	55,584 (2.4)	34.6	26.4	10.7	41.2	13.4	30.4	3.0	2.6	1.8	-0.1	6.1	15.9
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	7,145 (0.3)	45.4	22.1	20.9	10.7	21.2	20.6	4.3	3.9	-1.6	-5.8	29.8	23.0
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	203 (0.0)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	158,862 (7.0)	0.0	20.6	16.8	15.5	24.0	25.3	4.4	4.0	-0.2	-0.9	0.0	84.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở
ngaphb@kbsec.com.vn

Lê Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Dầu Khí & Ngân hàng
tungla@kbsec.com.vn

Nguyễn Ngọc Hiếu
Chuyên viên phân tích – Năng lượng & Vật liệu xây dựng
hieunn@kbsec.com.vn

Phạm Nhật Anh
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics
anhpn@kbsec.com.vn

Lương Ngọc Tuấn Dũng
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng
dunglnt@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276
Email: ccc@kbsec.com.vn
Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.